

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/DS-ST

Ngày: 02-11-2021.

“V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị C Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Kiều.
2. Ông Trần Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong ngày 02/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2021/TLST- DS, ngày 24/5/2021 “V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2021/QĐXXST-DS ngày 15/10/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Thị C, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số nhà 174, đường TTC, Tổ M, Ấp H, xã MT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.
2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992.
3. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số nhà 09, Tổ SB, Khóm ML, Phường B, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa, ông U vắng mặt khi tuyên án).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Bà Nguyễn Thị C có quen biết với gia đình bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn U và Nguyễn Văn T nên ngày 06/3/2018, bà C cho anh T và vợ chồng bà T, ông U vay 01 lượng vàng, gồm 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999, việc vay vàng có làm biên nhận, có anh T ký tên, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng/10 chỉ vàng.

Đến hạn trả nợ, bà C có yêu cầu anh T và vợ chồng bà T, ông U trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà T và anh T nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không trả nợ cho bà C, cố tình né tránh. Việc cam kết của bà T và anh T có làm văn bản và có người làm chứng là Phạm Hồng T, Nguyễn Thị Liêm, Phạm Thị Nở xác nhận.

Nay, bà C yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn U và Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà C 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999, tổng trị giá bằng tiền là 51.540.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn U và Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà C 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình vay vàng, bà T đã trả lãi cho bà C số tiền 3.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này.

***Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn U trình bày:***

Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T thừa nhận có thiếu bà C 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999 và đồng ý trả theo yêu cầu của bà C. Tuy nhiên, số vàng này bà T và anh T trực tiếp vay để mua xe tải cũ về chở thuê, số tiền chở thuê trả lãi cho bà C và chi xài trong gia đình. Việc vay tiền, ông U không biết và không có ký nhận và cũng không có chi xài chung trong gia đình. Nay bà T và anh T đồng ý liên đới trả vàng cho bà C, không đồng ý việc ông U liên đới trả vàng cho bà C

Quá trình vay vàng, bà T và T đã trả lãi cho bà C số tiền 3.000.000 đồng/tháng x 08 tháng = 24.000.000 đồng nhưng bà T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền lãi trên.

Tại phiên tòa, ông U cho rằng ông không biết việc vay vàng của bà T, anh T đối với bà C, ông không có sử dụng tiền thu nhập từ số vàng vay vì ông làm riêng, ăn riêng và ông không đồng ý liên đới với bà T và anh T trả nợ cho bà C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các

đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn U và Nguyễn Văn T có địa chỉ tại Phường 3, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn U và Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà C 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999.

Tại phiên tòa, bà T và anh T đồng ý liên đới trả cho bà C 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999, không đồng ý việc ông U liên đới với bà T và anh T trả vàng cho bà C; ông U không đồng ý liên đới với bà T và anh T trả nợ cho bà C.

Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận bản chính ngày 06/3/2018 thể hiện anh Nguyễn Văn T có ký nhận vay của bà C số vàng 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999, thời hạn 01 tháng, thỏa thuận lãi suất 3.000.000 đồng/tháng/10 chỉ vàng. Đến ngày 15/8/2018, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có làm “tờ cam kết” là có vay vàng của bà C có 03 người làm chứng xác nhận là Phạm Hồng T, Nguyễn Thị Liêm, Phạm Thị Nở. Ngày 26/9/2020, bà Nguyễn Thị T có làm “giấy cam kết” là có vay vàng của bà C và hứa ngày 26/11/2020 trả. Ngày 31/01/2021, bà Nguyễn Thị T có làm “biên nhận” là có vay vàng của bà C và hứa ngày cuối tháng 01/2021 (al) trả vàng cho bà C. Tại phiên tòa, bà C cho rằng bà T và anh T có làm 01 biên nhận và 03 cam kết trả nợ, nội dung biên nhận ngày 31/01/2021 thể hiện cam kết trả nợ chứ không có nhận thêm vàng, điều này cũng phù hợp với lời trình bày của bà T, lời trình bày anh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đồng thời bà T và anh T cũng đồng ý trả nợ cho bà C nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà C về việc yêu cầu trả 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn U và Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả tiền vàng cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận anh T vay vàng của bà C để mua xe tải về chở thuê, thu nhập từ việc chạy xe tải là để sử dụng chung trong gia đình, trong đó có bà T và anh T. Còn ông U thì làm riêng, ăn riêng từ nhiều năm nay, không có sử dụng nguồn thu nhập từ số vàng đã vay. Hơn nữa, việc vay vàng chỉ có bà T, anh T ký nhận và cam kết, ông U không có ký nhận, không có cam kết trả nợ, ông U không biết việc bà T và anh T vay vàng của bà C, đồng thời bà C cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông U có liên quan hay có sử dụng chung số vàng vay nên bà C yêu cầu ông U liên đới với bà T và anh T trả nợ cho bà là chưa có căn cứ chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, buộc bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà C 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, bà C cho rằng có nhận của bà T và anh T 01 tháng tiền lãi là 3.000.000 đồng, còn bà T và anh T thì trình bày đã trả 08 tháng tiền lãi, với số tiền là 24.000.000 đồng nhưng bà C, bà T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giá vàng 24 kara là 5.170.000 đồng/chỉ và vàng 9999 giá 5.190.000 đồng/chỉ. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của đương sự là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Án phí: Bà T và anh T có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng do bà C là người cao tuổi và có đơn miễn nộp án phí nên bà C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C 08 chỉ vàng 24 kara và 02 chỉ vàng 9999.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới chịu 2.587.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị C Trinh**